

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh đào tạo chính quy trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT) thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Thông tư Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-ĐHQG, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Quyết định số 486/QĐ-ĐHQG, ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế tuyển sinh đào tạo chính quy trình độ đại học”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH (Ta).

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Tú Anh

QUY ĐỊNH

Tuyển sinh trình độ đại học chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-ĐHCNTT, ngày 21 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)*

MỤC LỤC

Chương I	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ	4
Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh.....	4
Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh.....	5
Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển	6
Điều 6. Phương thức tuyển sinh.....	7
Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh.....	7
Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.....	9
Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo	9
Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển	9
Điều 11. Thông tin tuyển sinh.....	9
Điều 12. Hội đồng tuyển sinh	10
Điều 13. Ban thư ký hội đồng tuyển sinh	11
Chương II.....	11
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY	
Điều 14. Xây dựng kế hoạch xét tuyển	12
Điều 15. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng.....	12
Điều 16. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung.....	13
Điều 17. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung.....	13
Điều 18. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học.....	14
Điều 19. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung.....	14
Điều 20. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển.....	15
Chương III	16
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN VÀ THEO ĐẶT HÀNG.....	16
Điều 21. Kế hoạch tuyển sinh.....	16
Điều 22. Phương thức tuyển sinh	16

Điều 23. Tổ chức tuyển sinh.....	16
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN.....	16
Điều 24. Tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ đại học.....	17
Điều 25. Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.....	17
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THEO ĐẶT HÀNG.....	17
Điều 26. Đối tượng tuyển sinh.....	17
Điều 27. Ngưỡng đầu vào đối với đào tạo theo đặt hàng.....	17
Chương IV.....	18
THANH TRA, KIỂM TRA CÔNG TÁC TUYỂN SINH.....	18
Điều 28. Hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh.....	18
Chương V.....	18
TRUYỀN THÔNG, BÁO CÁO VÀ LƯU TRỮ.....	18
Điều 29. Công tác truyền thông.....	18
Điều 30. Chế độ báo cáo.....	18
Điều 31. Chế độ lưu trữ.....	18
Chương VI.....	19
KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ CÁC SỰ CỐ BẤT THƯỜNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	19
Điều 32. Khen thưởng.....	19
Điều 33. Giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.....	19
Điều 34. Tiếp nhận và xử lý thông tin, bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh.....	19
Điều 35. Xử lý cán bộ tuyển sinh và thí sinh vi phạm Quy chế tuyển sinh.....	20
Chương VII.....	21
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	21
Điều 36. Trách nhiệm của Trường ĐHCNTT.....	21
Phụ lục I.....	22
PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH.....	22
PHỤ LỤC II.....	23
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN.....	23

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Trường ĐHCNTT	Trường Đại học Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh
ĐHQG-HCM	Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh
P. ĐTĐH	Phòng Đào tạo Đại học
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
THPT	Trung học phổ thông
HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
BCĐ	Ban Chỉ đạo tuyển sinh ĐHQG-HCM

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định cụ thể về những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Quy chế này áp dụng đối với Trường ĐHCNTT và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường ĐHCNTT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo của Trường ĐHCNTT, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường (nếu có).

3. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường ĐHCNTT để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo, ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định.

4. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

5. Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

6. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng đầu vào.

7. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

8. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

9. Điểm trúng tuyển (của một nhóm ngành, một ngành, một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

10. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình.

11. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

12. Cổng Thông tin tuyển sinh (của Bộ GD&ĐT) là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

13. Mã trường trong tuyển sinh là một mã quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo. Mã Trường của Trường ĐHCNTT là QSC.

14. Mã xét tuyển là một mã quy ước thống nhất trong Trường ĐHCNTT dùng để định danh một chương trình, ngành đào tạo có chỉ tiêu tuyển sinh riêng.

15. Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do Trường ĐHCNTT quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành đào tạo tương ứng.

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường ĐHCNTT có quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trường ĐHCNTT thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3. Trường ĐHCNTT phối hợp chặt chẽ dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của Trường và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh:

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin

cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Về thực hiện cam kết: Trường ĐHCNTT thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: Trường ĐHCNTT đảm bảo hợp tác bình đẳng với các cơ sở đào tạo khác nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Trường ĐHCNTT đảm bảo cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường ĐHCNTT có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường ĐHCNTT có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được Bộ GD&ĐT công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường ĐHCNTT có thể quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại

điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Trường ĐHCNTT thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

1. Mỗi phương thức tuyển sinh quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển, trong đó:

a) Các tiêu chí chủ yếu dùng để đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành đào tạo;

b) Tổng điểm cộng đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30);

c) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

2. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên điểm thi các môn tốt nghiệp THPT và các kết quả đánh giá khác, tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo, trong đó phải có môn toán hoặc ngữ văn với trọng số tính điểm xét không dưới 25%; từ năm 2026 số môn chung của các tổ hợp phải đóng góp ít nhất 50% trọng số tính điểm xét;

3. Đối với một chương trình, ngành đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc tổ hợp xét tuyển:

a) Trường ĐHCNTT xác định quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng tốt nhất yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành đào tạo;

b) Không quy định mã xét tuyển riêng, chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định chỉ tiêu xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

4. Trường ĐHCNTT chịu trách nhiệm giải trình về căn cứ khoa học và thực tiễn trong xác định phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và điểm trúng tuyển; trong đó phải dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục I của Quy chế)

a) Đối với phương thức xét tuyển theo thang điểm 30: Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2

(KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

Đối với phương thức xét tuyển theo thang điểm 1200: Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 30 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 20 điểm, khu vực 2 (KV2) là 10 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ.

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế)

a) Đối với phương thức xét tuyển theo thang điểm 30: mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

Đối với phương thức xét tuyển theo thang điểm 1200: mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 80 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 40 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Đối với phương thức xét tuyển theo thang điểm 30, điểm ưu tiên của thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.}$$

Đối với phương thức xét tuyển theo thang điểm 1200, điểm ưu tiên của thí sinh đạt tổng điểm từ 900 trở lên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(1200 - \text{Tổng điểm đạt được})/300] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7.}$$

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

1. Căn cứ phương thức tuyển sinh của từng hình thức đào tạo, Trường xác định và công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trong thông tin tuyển sinh phù hợp với Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường quy định đảm bảo chất lượng nguồn tuyển sinh. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm giải trình về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đã xây dựng.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường ĐHCNTT. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả là 3 năm đối với người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, 1 năm đối với người quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường ĐHCNTT, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Trường ĐHCNTT xây dựng, công bố và thực hiện thông tin tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn trường, ngành, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường ĐHCNTT trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về Trường, các ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỷ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp;

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GD&ĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; phương thức và tiêu chí phân ngành của cơ sở đào tạo đối với trường hợp xét tuyển theo nhóm ngành; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Trường ĐHCNTT thông báo tuyển sinh kèm theo công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày. Riêng đối với quy tắc quy đổi tương đương, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo.

Điều 12. Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các

công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, quy định tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn.

2. Thành phần HĐTS

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng.

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng.

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Phòng ĐTDH.

d) Các ủy viên: Một số Trưởng hoặc Phó Trưởng phòng, Trưởng hoặc Phó Trưởng khoa, Trưởng hoặc Phó Trưởng bộ môn và cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh ruột, chị ruột, em ruột; cha, mẹ, anh ruột, chị ruột, em ruột của vợ hoặc chồng; người giám hộ; người được giám hộ (gọi chung là người thân) dự thi hoặc xét tuyển vào Trường trong năm tổ chức thi thì không được tham gia vào HĐTS và các ban giúp việc của HĐTS.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a) Chịu sự chỉ đạo chung của BCD.

b) Tổ chức triển thực hiện theo thông tin tuyển sinh đã công bố.

c) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.

d) Thu hoặc ủy quyền thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển.

e) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

f) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho BCD.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường.

b) Báo cáo Ban Chỉ đạo và Bộ GD&ĐT công tác tuyển sinh của Trường.

c) Thành lập Ban Thư ký và các Ban chuyên môn để giúp việc cho HĐTS Trường trong việc thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng các Ban chuyên môn phải là thành viên HĐTS.

d) Chủ tịch HĐTS quy định nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn trong quy định tuyển sinh của Trường.

5. Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

Điều 13. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh cơ sở đào tạo

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:

a) Trưởng ban do ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm.

b) Các ủy viên: Một số cán bộ Phòng ĐTDH và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS

a) Cập nhật lên cổng thông tin tuyển sinh Bộ GD&ĐT và trang thông tin điện tử Trường tất cả các nội dung trong Thông tin tuyển sinh của Trường năm hiện hành.

b) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký dự thi, xét tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

c) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định.

d) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

e) Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học.

f) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Chương II

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 14. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch chung của ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy, Trường ĐHCNTT phối hợp triển khai các quy trình:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (gọi tắt là hệ thống trong phạm vi Chương này) và trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại Trường ĐHCNTT các phương thức theo thông báo tuyển sinh của Trường.

c) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);

d) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học tại Trường ĐHCNTT.

2. Căn cứ kế hoạch chung, Trường ĐHCNTT xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 15. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường ĐHCNTT tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký xét tuyển theo thông báo tuyển sinh hàng năm.

2. Trường ĐHCNTT tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và đưa danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

3. Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường ĐHCNTT theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT để lựa chọn chương trình, ngành đã trúng tuyển thẳng tại Trường ĐHCNTT hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung; Trường ĐHCNTT không được yêu cầu thí sinh cam kết nhập học hoặc xác nhận nhập học sớm

hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

Điều 16. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

1. Bộ GD&ĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường ĐHCNTT. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

3. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT) như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- b) Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);
- c) Lựa chọn chương trình, ngành đào tạo (mã xét tuyển).

Điều 17. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường ĐHCNTT tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung. Bộ GD&ĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, Trường ĐHCNTT tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kì thi tốt nghiệp THPT, điểm xét tốt nghiệp THPT, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển:

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một chương trình, ngành đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường ĐHCNTT tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường ĐHCNTT lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường ĐHCNTT quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường ĐHCNTT quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

6. Trường ĐHCNTT công bố điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCNTT.

Điều 18. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Trường ĐHCNTT gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống, trước khi nhập học tại Trường ĐHCNTT.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường ĐHCNTT có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện trở lên, ĐHCNTT xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

4. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường ĐHCNTT không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Trường cho phép.

Điều 19. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, chương trình đào tạo, HĐTS của Trường ĐHCNTT xem xét, quyết định xét tuyển

các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường ĐHCNTT công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Điều 20. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường ĐHCNTT, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường ĐHCNTT được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường ĐHCNTT

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến Trường ĐHCNTT hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;

e) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

f) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

Chương III

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN VÀ THEO ĐẶT HÀNG

Điều 21. Kế hoạch tuyển sinh

1. ĐHQG-HCM ban hành văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh hàng năm. Trên cơ sở đó, Trường ĐHCNTT xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các đợt tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế tại Trường.

2. Khi có thay đổi về kế hoạch tuyển sinh, Trường ĐHCNTT báo cáo ĐHQG-HCM trước khi thông báo công khai cho thí sinh và tổ chức tuyển sinh.

Điều 22. Phương thức tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Đối với phương thức thi tuyển thì Trường ĐHCNTT thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2. Trường ĐHCNTT quyết định phương thức tuyển sinh và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh tại Trường.

3. Trường ĐHCNTT có thể sử dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh cho một ngành hoặc nhóm ngành và công bố công khai chỉ tiêu cho từng phương thức tuyển sinh của từng ngành.

Điều 23. Tổ chức tuyển sinh

1. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh, Trường ĐHCNTT công bố công khai thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử ít nhất 30 ngày trước thời điểm tuyển sinh và gửi báo cáo về ĐHQG-HCM để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

2. Trường ĐHCNTT tổ chức ra đề thi, coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo thực hiện theo quy định thi tuyển sinh của Trường (nếu có tổ chức thi tuyển sinh).

3. Xác định điểm trúng tuyển: Căn cứ chỉ tiêu đã được ĐHQG-HCM xác định, Trường ĐHCNTT xác định điểm trúng tuyển cho từng phương thức tuyển sinh trên cơ sở đảm bảo chất lượng đào tạo tại Trường.

4. Trường ĐHCNTT công bố kết quả tuyển sinh và triệu tập thí sinh trúng tuyển theo quy định của Trường.

Mục 1

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ TRUNG CẤP TRỞ LÊN

Điều 24. Tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ đại học

1. Đối tượng tuyển sinh: Đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành/ nhóm ngành. Trường hợp bằng tốt nghiệp cao đẳng do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp

tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ CĐ lên trình độ đại học thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 25. Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

1. Đối tượng tuyển sinh: Đã có bằng tốt nghiệp Đại học. Trường hợp văn bằng thứ nhất do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT

2. Hiệu trưởng quy định chi tiết về điều kiện dự tuyển của các đối tượng tuyển sinh; các nội dung có liên quan trong quá trình xét tuyển trong thông tin tuyển sinh, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm giải trình.

Mục 2

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THEO ĐẶT HÀNG

Điều 26. Đối tượng tuyển sinh

1. Tuyển sinh do Nhà nước đặt hàng đào tạo thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Tuyển sinh do các chủ thể khác đặt hàng đào tạo và cam kết sử dụng sinh viên tốt nghiệp thực hiện theo hợp đồng giữa các bên liên quan, không trái với quy định của pháp luật.

Điều 27. Ngưỡng đầu vào đối với đào tạo theo đặt hàng

1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định của Quy chế này. Điểm trúng tuyển theo yêu cầu đặt hàng, không thấp hơn điểm trúng tuyển của chương trình/ngành đào tạo. Trường hợp ủy ban nhân dân cấp tỉnh đặt hàng để đào tạo lao động cho các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp của tỉnh thuộc vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; đối tượng thí sinh là người có hộ khẩu thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm cấp THPT tại địa phương; cam kết sử dụng sinh viên tốt nghiệp thì điểm trúng tuyển có thể thấp hơn nhưng không thấp hơn quá 01 điểm so với điểm trúng tuyển của chương trình/ngành đào tạo, tính theo thang điểm 30 và không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của chương trình/ngành tuyển sinh. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh đặt hàng phải chịu trách nhiệm giải trình về nhu cầu đặt hàng đào tạo và sử dụng lao động sau đào tạo.

2. Các nội dung khác liên quan đến công tác tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng sẽ được quy định cụ thể trong hợp đồng với bên đặt hàng, bảo đảm tuân thủ Quy chế này.

Chương IV

THANH TRA, KIỂM TRA CÔNG TÁC TUYỂN SINH

Điều 28. Hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh

1. Hiệu trưởng tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh theo quy định.
2. Trình tự, thủ tục tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM.

Chương V

TRUYỀN THÔNG, BÁO CÁO VÀ LƯU TRỮ

Điều 29. Công tác truyền thông

1. Trường ĐHCNTT thường xuyên cập nhật các hoạt động của Trường trong công tác tuyển sinh.
2. Trường ĐHCNTT giao nhiệm vụ cho nhân sự chịu trách nhiệm chính phát ngôn về công tác tuyển sinh hàng năm.

Điều 30. Chế độ báo cáo

Hàng năm, HĐTS Trường ĐHCNTT gửi báo cáo về BCĐ:

1. Quyết định thành lập HĐTS và các Ban chuyên môn.
2. Thông tin tuyển sinh.
3. Quy định và các văn bản hướng dẫn tuyển sinh của Trường.
4. Quyết định trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển theo các phương thức tuyển sinh.
5. Danh sách nhập học.
6. Báo cáo tổng kết tuyển sinh.

Điều 31. Chế độ lưu trữ

1. Bài thi của thí sinh trong kỳ thi tuyển sinh theo phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển được Trường ĐHCNTT lưu trữ theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT.
2. Các tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, Trường ĐHCNTT phải bảo quản và lưu trữ trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ CÁC SỰ CỐ BẤT THƯỜNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Khen thưởng

Trường Ban Chỉ đạo, Chủ tịch HĐTS Trường ĐHCNTT khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

1. Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Những người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh của Trường ĐHCNTT.

Điều 33. Giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh

1. Trong thời gian tuyển sinh, Ban Chỉ đạo, HĐTS Trường ĐHCNTT tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.
2. Kết thúc tuyển sinh, Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.
3. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 34. Tiếp nhận và xử lý thông tin, bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh
 - a) BCD, HĐTS.
 - b) Thanh tra giáo dục các cấp.
2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh là căn cứ để xử lý đối tượng vi phạm.
3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh
 - a) Người phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần kịp thời báo cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để có biện pháp xử lý.
 - b) Người có bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh báo ngay cho nơi tiếp nhận được quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật. Việc tiếp nhận và xử lý các tố cáo vi phạm Quy chế tuyển sinh được thực hiện theo pháp luật về tố cáo.
 - c) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng để gây ảnh hưởng tiêu cực đến kỳ thi.
4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:
 - a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng.

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp.

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh.

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 35. Xử lý cán bộ tuyển sinh và thí sinh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi tuyển sinh được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2. Thí sinh đã trúng tuyển và nhập học nhưng bị phát hiện có hành vi gian lận hoặc liên quan trực tiếp đến gian lận trong quá trình thi, tuyển sinh có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường ĐHCNTT trong những năm tiếp theo; do Trường ĐHCNTT xem xét, quyết định.

3. Trường Ban Chỉ đạo, Chủ tịch HĐTS và những người liên quan bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Lao động, các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCNTT (nếu có quy định) khi vi phạm một trong các lỗi sau đây:

a) Ban hành các quyết định, văn bản có liên quan đến công tác tuyển sinh không đúng thẩm quyền và trái với các quy định của Quy chế này.

b) Tổ chức tuyển sinh không đúng với các thông tin trong thông tin tuyển sinh đã công bố.

c) Không kịp thời báo cáo, công khai thông tin tuyển sinh theo quy định.

d) Thực hiện quy trình tuyển sinh không đúng trình tự theo quy định của Quy chế tuyển sinh và hướng dẫn của ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT.

e) Cố ý vi phạm các quy định khác của Quy chế này.

4. Người tham gia công tác tuyển sinh là công chức, viên chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh, tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức.

5. Các trường hợp vi phạm về tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định hiện hành.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Trách nhiệm của Trường ĐHCNTT

1. Thành lập HĐTS và các Ban chức năng của HĐTS để triển khai công tác tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh.

2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của thông tin tuyển sinh và các thông tin có liên quan đến công tác tuyển sinh của Trường ĐHCNTT.

3. Tổ chức triển khai công tác tuyển sinh theo kế hoạch hàng năm của ĐHQG- HCM và Trường ĐHCNTT.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện công tác tuyển sinh theo quy chế và quy định của pháp luật theo chức năng nhiệm vụ.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Tú Anh

Phụ lục I.
PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC II.
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ

	suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.